

PHÂN TÍCH ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC NHÂN TỐ ĐẾN BIẾN ĐỘNG CHỈ TIÊU GDP CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2016 – 2020

PGS. TS. Tăng Văn Khiên, TS. Đặng Văn Lương***

Tóm tắt

Như ta đều biết, tổng sản phẩm trong nước (viết tắt tiếng anh là GDP) là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp, phản ánh tập trung và khái quát nhất về phát triển kinh tế của một quốc gia, là cơ sở để tính toán nhiều chỉ tiêu thống kê hiệu quả quan trọng như năng suất lao động (NSLĐ), hiệu quả vốn đầu tư (ICOR), tốc độ tăng năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP)... Tăng GDP là tăng thêm khối lượng và chất lượng sản phẩm, tăng tỷ trọng giá trị tăng thêm trong giá trị sản phẩm, nên tăng GDP sẽ góp phần tăng tích lũy để mở rộng sản xuất, tăng cường xuất khẩu và không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân. Do vậy một trong những nhiệm vụ của thống kê là phải đi sâu đánh giá, phân tích ảnh hưởng của các nhân tố đến biến động GDP qua các năm, để có cơ sở đề xuất các giải pháp không ngừng nâng cao tốc độ tăng GDP.

Dưới đây là việc vận dụng phương pháp chỉ số đã được giới thiệu ở bài báo "Thiết lập hệ thống chỉ số để phân tích ảnh hưởng của các nhân tố đến biến động chỉ tiêu GDP trong điều kiện số liệu hiện nay của Việt Nam", đăng ở Tờ Thông tin Khoa học Thống kê số 06 năm 2022 của Viện Khoa học Thống kê để tiến hành tính toán các trị số cần thiết và phân tích biến động chỉ tiêu GDP của Việt Nam giai đoạn 2016 – 2020.

1. Tính toán chỉ số phát triển của các chỉ tiêu liên quan đến ứng dụng phân tích biến động chỉ tiêu GDP

Từ số liệu về các chỉ tiêu GDP theo giá so sánh 2010 không có thuế sản phẩm (khi nghiên cứu biến động theo thời gian, GDP sẽ

tính theo giá so sánh để loại trừ ảnh hưởng biến động của giá) và số lao động làm việc của chung toàn nền kinh tế và chia theo ba khu vực kinh tế (Nông, Lâm nghiệp, Thủy sản – NLNTS, Công nghiệp Xây dựng – CNXD và Dịch vụ - DV) có trong Niên giám Thống kê năm 2021 của Tổng Cục Thống kê (TCTK), ta tính toán được năng suất lao động (NSLĐ)

* Nguyên Viện trưởng, Viện Khoa học Thống kê

** Trường Đại học Thương Mại

➤➤➤ NGHIÊN CỨU • TRAO ĐỔI

theo giá so sánh của chung toàn nền kinh tế (NSLĐ = GDP : Lao động) của Việt Nam từ năm 2015 đến 2020 như kết quả ở bảng 01. và của từng khu vực NLNTS, CNXD và DV

Bảng 01. NSLĐ chung toàn nền kinh tế (KT) và ba khu vực (KV) của Việt Nam qua các năm từ 2015 đến 2020 (triệu đồng/người)

Năm	NSLĐ chung nền KT Không có thuế SP (\bar{X})	NSLĐ các khu vực kinh tế Không có thuế sản phẩm (X)		
		NLNTS	CNXD	DV
A	1	2	3	4
2015	62,76	21,18	103,70	88,74
2016	66,69	22,45	101,97	95,33
2017	70,89	23,95	105,08	99,83
2018	75,47	26,20	109,25	102,04
2019	80,52	29,17	106,21	108,61
2020	84,62	31,93	110,51	110,76

Nguồn: Tính toán của tác giả

Từ số liệu về năng suất lao động của các khu vực kinh tế có ở bảng 01 và số lao động làm việc tương đương có trong Niên giám Thống kê năm 2021 của TCTK, ta tiến hành tính năng suất lao động bình quân giữa các khu vực kỳ gốc theo số lượng lao động kỳ báo cáo (\bar{X}_{01}) qua các năm như bảng 02.

Bảng 02. Tính NSLĐ bình quân giữa các khu vực KT kỳ gốc theo số lao động kỳ báo cáo

Năm	NSLĐ Kỳ gốc các KV KT (X_0 - Triệu đồng/người)			Lao động làm việc Kỳ báo cáo các KV KT (L_1 - 1000 người)			
	NLNTS	CNXD	DV	Chung	NLNTS	CNXD	KV DV
A	1	2	3	4=5+6+7	5	6	7
2016	21,18	103,70	88,74	53345,5	22184,3	13422,5	17738,7
2017	22,45	101,97	95,33	53708,6	21458,7	14104,5	18145,4
2018	23,95	105,08	99,83	54282,5	20419,8	14785,4	19077,3
2019	26,20	109,25	102,04	54659,2	18831,4	16456,7	19371,1
2020	29,17	106,21	108,61	53609,6	17724,6	16508,7	19376,3

...Tiếp bảng 02

Năm	X ₀ L ₁ (Tỷ đồng)			∑ X ₀ L ₁ (tỷ đồng)	X̄ ₀₁ (Triệu đồng/người)
	NLNTS	CNXD	KV DV		
A	8 = 1 x 5	9 = 2 x 6	10 = 3 x 7	11=8+9+10	12 = 11 : 4
2016	469863,5	1391913,3	1574132,2	3435909,0	61,41
2017	481747,8	1438235,9	1729801,0	3649784,7	67,96
2018	489054,2	1553649,8	1904486,9	3947190,9	72,72
2019	493382,7	1797894,5	1976627,0	4267904,2	78,08
2020	517026,6	1753389,0	2104459,9	4374875,5	81,61

Nguồn: Tính toán của tác giả

Tiếp tục từ số liệu về tổng sản phẩm trong nước theo giá so sánh có thuế sản phẩm và số lượng lao động làm việc của toàn nền kinh tế trong Niên giám thống kê năm 2021 của TCTK, cùng với các chỉ tiêu năng suất lao động bình quân giữa các khu vực kỳ gốc và kỳ báo cáo (chính là năng suất lao động chung toàn nền kinh tế tính

theo chỉ tiêu GDP không có thuế sản phẩm có ở cột 01 bảng 01) và năng suất lao động bình quân giữa các khu vực kỳ gốc tính theo số lao động kỳ báo cáo (tính được ở cột 12 bảng 02), ta lập bảng tính toán các chỉ số phát triển theo các chỉ tiêu cần thiết qua các năm và bình quân năm giai đoạn 2016 – 2020 như sau:

Bảng 03. Tính toán chỉ số phát triển theo các chỉ tiêu cần thiết phục vụ cho tính toán và phân tích biến động GDP qua các năm

Năm	GDP giá so sánh có thuế (tỷ đồng)		Chỉ số phát triển GDP (I _y - lần)	Lao động (L - 1000 ng)		Chỉ số phát triển Lao động (I _L - lần)
	Kỳ gốc (Y ₀)	Kỳ Báo cáo (Y ₁)		Kỳ gốc (L ₀)	Kỳ Báo cáo (L ₁)	
A	1	2	3 = 2 : 1	4	5	6 = 5 : 4
2016	3696826	3944144	1,0669	53110,5	53345,5	1,0044
2017	3944144	4217875	1,0694	53345,5	53708,6	1,0068
2018	4217875	4532739	1,0747	53708,6	54282,5	1,0107
2019	4532739	4866316	1,0736	54282,5	54659,2	1,0069
2020	4866316	5005756	1,0287	54659,2	53609,6	0,9808
16 – 20	x	x	1,0625	x	x	1,0019

...Tiếp bảng 03

Năm	NSLĐ bình quân (triệu đồng/người)		NSLĐ kỳ gốc theo LĐ kỳ Báo cáo (\bar{X}_{01})	Chỉ số NSLĐ ($I_{\bar{x}}$ - lần)	Chỉ số ảnh hưởng kết cấu ($I_{k/c}$ - lần)
	Kỳ gốc (\bar{X}_0)	Kỳ Báo cáo (\bar{X}_1)			
A	7	8	9	10 = 8 : 7	11 = 9 : 7
2016	62,76	66,69	61,41	1,0626	0,9785
2017	66,69	70,89	67,96	1,0630	1,0190
2018	70,89	75,47	72,72	1,0646	1,0258
2019	75,47	80,52	78,08	1,0669	1,0346
2020	80,52	84,62	81,61	1,0509	1,0135
16 – 20	x	x	x	1,0616	1,0141

Nguồn: Tính toán của tác giả

2. Tính toán và phân tích mức độ ảnh hưởng của nhân tố đến biến động chỉ tiêu GDP của Việt Nam giai đoạn 2016 - 2020

Trên cơ sở số liệu về các chỉ số phát triển của các chỉ tiêu liên quan ở bảng 03 thuộc mục 1, ta tiếp tục tính toán tỷ lệ tăng lên của GDP và tỷ trọng đóng góp vào tăng trưởng GDP do ảnh hưởng của các nhân tố qua các năm như sau:

* Năm 2016:

Tốc độ tăng hay tỷ lệ tăng GDP nói chung (I_y):

$$\dot{I}_y = I_y - 1 = 1,0669 - 1 = 0,0669 \text{ hoặc } 6,69\%;$$

Trong đó:

- Tăng GDP do thay đổi tỷ trọng thuế [$\dot{I}_y(k)$]:

$$\dot{I}_y(k) = I_y - (I_{\bar{x}} \times I_L) = 1,0669 - (1,0626 \times 1,0044) = -0,0004 \text{ hoặc } -0,04\%, \text{ với tỷ trọng đóng góp là: } -0,04 : 6,69 \times 100 = -0,60\%;$$

- Tăng GDP do nâng cao NSLĐ nội bộ các khu vực kinh tế [$\dot{I}_y(x)$]:

$$\dot{I}_y(x) = (I_{\bar{x}} - I_{k/c}) \times I_L = (1,0626 - 0,9785) \times 1,0044 = 0,0845$$

hoặc 0,0845%, với tỷ trọng đóng góp là: $8,45 : 6,69 \times 100 = 126,31\%$;

- Tăng GDP do thay đổi cơ cấu lao động giữa các khu vực [$\dot{I}_y(k/c)$]:

$$\dot{I}_y(k/c) = (I_{k/c} - 1) \times I_L = (0,9785 - 1) \times 1,0044 = -0,0216$$

hoặc -2,16%, với tỷ trọng đóng góp là: $-2,16 : 6,69 \times 100 = -32,29\%$;

- Tăng GDP do tăng, giảm lao động làm việc [$\dot{I}_y(l)$]:

$$\dot{I}_y(l) = I_L - 1 = 1,0044 - 1 = 0,0044 \text{ hoặc } 0,44\%, \text{ với tỷ trọng đóng góp là: } -0,44 : 6,69 \times 100 = -6,58\%;$$

* Bảng cách tương tự ta tính được tỷ lệ tăng lên của GDP và tỷ trọng đóng góp vào tăng trưởng GDP do ảnh hưởng của các nhân tố ở các năm còn lại 2017, 2018, 2019 và năm 2020 cũng như bình quân năm giai đoạn 2016 – 2020.

Bảng 04. Tốc độ tăng GDP và ảnh hưởng của các nhân tố đến tăng trưởng GDP qua các năm (đơn vị tính: %)

Năm	Tốc độ tăng GDP	Tỷ lệ tăng GDP do				Tỷ trọng đóng góp vào tăng GDP			
		Thay đổi tỷ trọng thuế	Tăng NSLĐ các KV	Thay đổi cơ cấu lao động	Tăng, giảm LĐ	Thay đổi tỷ trọng thuế	Tăng NSLĐ các KV	Thay đổi cơ cấu lao động	Tăng, giảm LĐ
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
2016	6,69	-0,04	8,45	-2,16	0,44	-0,60	126,31	-32,29	6,58
2017	6,94	-0,08	4,43	1,91	0,68	-1,15	63,83	27,52	9,80
2018	7,47	-0,13	3,92	2,61	1,07	-1,74	52,48	34,94	14,32
2019	7,36	-0,06	3,25	3,48	0,69	-0,81	44,15	47,28	9,38
2020	2,87	-0,20	3,67	1,32	-1,92	-6,96	127,87	45,99	66,90
16-20	6,25	-0,11	4,76	1,41	-0,19	-1,76	76,16	22,56	3,04

Nguồn: Tính toán của tác giả

Số liệu bảng 04 cho thấy từ năm 2016 đến 2019 tổng sản phẩm trong nước của Việt Nam luôn đạt tốc độ tăng trưởng tương đối khá, tăng cao dần qua ba năm đầu (tăng từ 6,69% năm 2016 lên 6,94% năm 2017 và 7,47% năm 2018). Năm 2019 tăng thấp hơn năm 2018 nhưng vẫn đạt mức trên 7%. Riêng năm 2020 do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 nên sản xuất đã giảm sút và tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước chỉ còn ở mức 2,87%. Bình quân năm giai đoạn 2016 – 2020 tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước của Việt Nam đạt 6,25%. Đó là kết quả rất đáng phấn khởi.

Xét theo ảnh hưởng của các nhân tố (thay đổi tỷ trọng thuế sản phẩm chiếm trong GDP, nâng cao năng suất lao động nội bộ các khu vực kinh tế, thay đổi cơ cấu lao động giữa các khu vực và tăng giảm số lượng lao động) đến tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước qua các năm cho thấy:

- Tỷ trọng thuế sản phẩm chiếm trong GDP liên tục giảm đi qua các năm từ 2016 đến 2020 làm giảm tốc độ tăng GDP và có xu thế làm giảm ở mức ngày càng nhiều hơn: cụ thể là năm 2016 làm giảm GDP ở mức thấp nhất (làm giảm âm 0,04%), tương ứng với tỷ trọng đóng góp làm giảm là âm 0,60%, và năm 2020 làm giảm nhiều nhất (làm giảm âm 0,20%), tương ứng với tỷ trọng đóng góp làm giảm là âm 6,96%. Bình quân năm giai đoạn 2016 – 2020 thay đổi tỷ trọng thuế sản phẩm làm giảm tốc độ tăng GDP là âm 0,11%, tương ứng với tỷ trọng đóng góp làm giảm GDP là âm 1,76%.

- Năng suất lao động nội bộ các khu vực kinh tế giai đoạn 2016 – 2020 liên tục tăng lên qua các năm và đã làm tăng tốc độ tăng GDP ở mức đáng kể, trong đó năm 2016 làm tăng GDP nhiều nhất (làm tăng 8,45%), tương ứng với tỷ trọng đóng góp làm tăng GDP là 126,31% và năm 2019 làm tăng ít nhất (làm tăng 3,25%), tương ứng với tỷ

➤➤➤ NGHIÊN CỨU • TRAO ĐỔI

trọng đóng góp làm tăng GDP là 44,15%. Bình quân năm giai đoạn 2016 – 2020 tăng năng suất lao động nội bộ các khu vực kinh tế làm tăng tốc độ tăng GDP là 4,76%, tương ứng với tỷ trọng đóng góp làm tăng GDP là 76,16%.

- Ảnh hưởng của thay đổi cơ cấu lao động giữa các khu vực kinh tế trong giai đoạn 2016 – 2020 duy nhất có năm 2016 là làm giảm tốc độ tăng GDP (làm giảm âm 2,16%), tương ứng với tỷ trọng đóng góp làm giảm GDP là âm 32,29%; còn lại các năm khác thay đổi cơ cấu lao động giữa các khu vực kinh tế đều làm tăng tốc độ tăng GDP, trong đó năm 2019 làm tăng GDP nhiều nhất (làm tăng 3,48%), tương ứng với tỷ trọng đóng góp làm tăng GDP là 47,28%, và năm 2020 làm tăng tốc độ tăng GDP ít nhất (làm tăng 1,32%), tương ứng với tỷ trọng đóng góp làm tăng GDP là 45,99%. Bình quân năm giai đoạn 2016 – 2020 thay đổi cơ cấu lao động giữa các khu vực kinh tế làm tăng tốc độ tăng GDP là 1,41%, tương ứng với tỷ trọng đóng góp làm tăng GDP là 22,56%.

- Về lao động làm việc trong giai đoạn 2016 – 2020, có 4 năm liên tục lao động làm việc chung toàn nền kinh tế của Việt Nam tăng lên và đã làm tăng tốc độ tăng GDP, trong đó năm 2018 tăng lao động làm tăng GDP nhiều nhất (làm tăng 1,07%), tương ứng với tỷ trọng đóng góp làm tăng GDP là 14,32% và năm 2016 tăng lao động làm tăng tốc độ tăng GDP ít nhất (làm tăng 0,44%), tương ứng với tỷ trọng đóng góp làm tăng GDP là 6,58%. Riêng năm 2020 do ảnh hưởng của dịch bệnh nên số lao động làm việc chung toàn nền kinh tế đã giảm đi và làm giảm tốc độ tăng GDP là âm 1,92%, tương ứng với tỷ trọng đóng góp làm giảm GDP là âm 66,90%. Bình quân năm giai đoạn 2016 – 2020 lao động làm việc chung toàn

nền kinh tế của Việt Nam vẫn tăng nhưng không đáng kể, nên chỉ làm tăng tốc độ tăng GDP là 0,19%, tương ứng với tỷ trọng đóng góp làm tăng GDP là 3,04%.

Tóm lại:

Về ảnh hưởng của các nhân tố đến tốc độ tăng GDP của Việt Nam giai đoạn 2016 – 2020 thì có nhân tố thay đổi tỷ trọng thuế sản phẩm trong GDP liên tục giảm và đã làm giảm GDP ở tất cả các năm. Tuy nhiên mức độ làm giảm không đáng kể (bình quân năm của cả giai đoạn này đã làm giảm GDP âm 0,11%), ngược lại năng suất lao động nội bộ các khu vực liên tục tăng lên và đã làm tăng GDP nhiều nhất (bình quân năm của giai đoạn làm tăng GDP là 4,76%), thay đổi cơ cấu lao động giữa các khu vực kinh tế có một năm làm giảm và bốn năm làm tăng và bình quân năm của giai đoạn đã làm tăng 1,41%, đứng vị trí thứ hai sau đóng góp của tăng năng suất nội bộ các khu vực. Còn lao động làm việc cũng có 4 năm làm tăng và 1 năm làm giảm và bình quân năm của cả giai đoạn lao động làm việc vẫn tăng và đã làm tăng GDP là 0,19% (đứng vị trí thứ ba).

Tài liệu tham khảo

1. Trần Thị Kim Thu (2012), Giáo trình Lý thuyết Thống kê, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội;
2. Tăng Văn Khiên (2015), Phân tích Thống kê – Lý thuyết và Ứng dụng, NXB Thống kê, Hà Nội;
3. Tổng cục Thống kê (2022), Niên giám Thống kê năm 2021, NXB Thống kê, Hà Nội;
4. Tăng Văn Khiên (2022), “Thiết lập hệ thống chỉ số để phân tích ảnh hưởng của các nhân tố đến biến động chỉ tiêu GDP trong điều kiện số liệu hiện nay của Việt Nam”, Thông tin Khoa học Thống kê, số 06 năm 2022.